

Bản án số: 285 /2018/HS-PT
Ngày 24 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Đặng An Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2018/TLPT- HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu V và bị cáo Cấn Văn T. Do có kháng cáo của 02 bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 10/11/1966 tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn P H 2, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức T, 73 tuổi và bà Nguyễn Thị V (sinh năm 1946, đã chết); Chồng: Nguyễn Trọng T (sinh năm 1961); Bị cáo có 01 con (sinh năm 1989); Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2017 đến ngày 08/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại tại thôn P H 2, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Lâm Đồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Cấn Văn T; Sinh ngày 20/10/1973 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Y L, xã Cấn Kiệm, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: C L 2, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cấn Văn X (đã chết) và bà Kiều Thị Q (sinh năm 1941); Vợ: Võ Thị Thanh D (sinh năm 1976) đã ly hôn, Vũ Thị D (sinh năm 1991); Bị cáo có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 11/01/2017, hiện đang giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Vân: Luật sư Đỗ Trọng H - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Tinh: Luật sư Nguyễn Văn B - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (Có mặt)

Người bị hại có kháng cáo: Ông Phùng Bá T ; Sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, Cấn Văn T và Nguyễn Thị Thu V quen biết nhau và cùng đi tìm hàng đá thiên thạch, đồng đổi màu. Năm 2009, thông qua V , T quen biết với ông Hoàng Thi S là người đi tìm và có nhu cầu mua đá thiên thạch. T đã nói dối với ông S là có hàng đá thiên thạch muốn bán của một người dân tộc ở Lâm Đồng và T cần thêm 300.000.000đ để đưa cho chủ hàng đá thiên thạch thì chủ hàng cho mang hàng đá thiên thạch ra bán. Đến tháng 6/2010, ông S giới thiệu cho ông Điều S1 biết có người tên Tinh biết chỗ mua hàng đá thiên thạch và hẹn ông Điều Siêu tại nhà nghỉ Ngọc Bích 2 ở thị trấn Di Linh, Lâm Đồng. Sau đó, ông Điều S điện thoại hẹn Điều K và Điều G cùng một số người khác đến nhà nghỉ Ngọc B 2. Ngày 14/6/2010, tại nhà nghỉ Ngọc B 2 gồm có: ông S , Điều S1, Điều K , Điều G , bà D , Cấn Văn T và một số người khác. Quá trình trao đổi Tinh giới thiệu cho mọi người là đang theo một con hàng là đá thiên thạch của một người dân tộc ở Lâm Đồng, đá thiên thạch có khả năng hủy mẫu, hủy gương, hủy đá lửa, làm thủy ngân đông cứng và Tinh nói đã chi phí cho chủ hàng đá thiên thạch hết số tiền 1.700.000.000đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng) nên có quyền quyết định và đang cần 300 triệu để đưa cho chủ hàng cho đủ 2 tỷ thì chủ hàng mới cho mang hàng ra cho bên mua thử và mua hàng đá thiên thạch. Để mọi người tin, T đưa ra một tờ giấy có ghi nội dung thời gian các lần giao tiền cho chủ hàng với tổng cộng số tiền là 1,7 tỷ đồng. T nói nhóm của ông S góp thêm số tiền 300.000.000đ để đưa cho chủ hàng mang hàng đá thiên thạch ra bán và hứa sẽ cho nhóm của ông S số tiền 10 triệu USD. Nhóm của ông S đồng ý góp 300 triệu đồng để đưa cho T . Do không mang theo tiền nên ông Điều K' cùng Điều G quay về Bình Phước và Điều K' đã vay mượn được số tiền 300.000.000đ. Đến ngày 15/06/2010, tại nhà nghỉ Ngọc B 2 ông Điều K' đã đưa số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cho T và T ký xác nhận vào giấy giao nhận tiền do ông S làm sẵn với nội dung ông Điều K' và Điều S1 giao cho T số tiền 300.000.000đ để T đưa cho chủ "hàng" và mang hàng đá thiên thạch ra trong thời hạn 02 ngày, đồng thời ông S ký xác nhận bảo lãnh cho T nhận số tiền này. Đến sáng ngày 16/06/2010, T mang cặp đựng tiền đến nhà nghỉ Ngọc B 2 với mục đích cho mọi người trong nhóm của ông S thấy T và biết hôm đó T mới mang tiền vào cho chủ hàng. Sau đó, T cầm tiền đi và

tắt điện thoại đi động để cho mọi người trong nhóm của ông S không liên lạc được. Số tiền 300.000.000đ nhận của Điều K', T đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng đầu tháng 5/2011, thông qua Nguyễn H là người quen của V ở Thành phố Hồ Chí Minh giới thiệu ông Nguyễn Văn L đang tìm mua đá thiên thạch và đồng đổi màu thì V đã cho ông L và ông H biết là V quen một người tên là T đang theo một “con hàng” là lu đồng đổi màu, hủy mẫu nặng 1,1kg cào ra ở trong màu vàng và 10 phút sau chuyển lại màu đen. Sau đó V điện thoại nói cho T biết là có người có nhu cầu mua lu đồng, đổi màu và T hẹn gặp Vân và ông L ở thị trấn Đình Văn, Lâm Hà. Ngày 18/5/2011, khi gặp T tại quán nước gần ngã ba Sơn Trà, thị trấn Đình Văn, Lâm Hà, thì V giới thiệu T có vợ là giáo viên cấp 3, nhà ở gần chợ thị trấn Di Linh và T là người theo con hàng hơn 01 năm, đã chi phí cho gia đình chủ hàng 01 số tiền nên T có 80% quyền quyết định bán con hàng này. Trong quá trình trao đổi, T giới thiệu quen biết 01 người đồng bào ở Lâm Đồng có nhu cầu bán đồng đổi màu, hủy mẫu có đặc điểm màu xám lông chuột, nặng khoảng 11kg, hình dạng là cái lu hương, có tác dụng hủy được diêm, đá lửa, gương giống như các đặc điểm mà ông L yêu cầu. Sau khi thỏa thuận, ông thống nhất mua với giá 10 triệu USD (tương đương giá 200 tỷ đồng), trong đó V là người giới thiệu được hưởng 01 triệu USD và T hứa sẽ sắp xếp mang hàng ra điểm hẹn để bán.

Ngày 22/5/2011, tại nhà V ở P H 2, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Tỉnh tiếp tục đưa ra những thông tin không có thật về chiếc lu đồng và yêu cầu ông L đưa 50 triệu đồng để chi phí mang hàng ra. ông L, H làm một hợp đồng mua bán hàng đổi màu hủy mẫu với nội dung: T đồng ý bán cho ông L cái lu đổi màu hủy mẫu trọng lượng 11kg với giá là 200.000.000.000đ (hai trăm tỷ đồng), ông L có đưa tạm ứng cho T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo yêu cầu của T để lo chi phí vận chuyển, đưa hàng lu đồng ra rồi ông L và T đã ký xác nhận vào hợp đồng, đồng thời T làm một giấy biên nhận số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của ông L. T hẹn với ông L là 03 ngày sau sẽ mang lu đồng đổi màu hủy mẫu cho ông L xem, nhưng sau thời gian 03 ngày không thấy T mang lu đồng ra như đã hứa, ông L đã điện thoại cho T nhiều lần thì T nói dối ông L với lý do trục trặc, gia đình chủ hàng không chịu cho mang hàng lu đồng đi vì tiền cọc ít quá. Số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhận của ông L thì T đã sử dụng, tiêu sài cá nhân hết.

Đến tháng 6/2011, T điện thoại trực tiếp cho ông L yêu cầu ông L tiếp tục gửi tiền cho T để T lấy chi phí ăn ở đi, lại lo cho việc lấy hàng lu đồng đổi màu ra. Mỗi lần T yêu cầu chuyển tiền thì ông L đều điện thoại hỏi V, khi V đồng ý thì ông L mới chuyển tiền cho T. Và ông L đã chuyển tiền cho T qua Ngân hàng Agribank chi nhánh Lâm Hà, Lâm Đồng 02 lần mỗi lần là 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào ngày 03/6/2011 và ngày 17/6/2011. Sau khi chuyển tiền cho T thì ông L có điện thoại cho T hỏi về việc đưa hàng lu đồng ra, T lấy lý do gia đình chủ chiếc lu đồng đổi màu gặp trục trặc để trì hoãn việc mang hàng ra cho ông L kiểm tra, thử hàng.

Đến tháng 8/2011, T tiếp tục gọi điện thoại cho L nói cần thêm số tiền 200.000.000đ để T mang cho chủ hàng thì chủ hàng mới đồng ý cho mang chiếc lư đồng đôi màu đi kiểm tra, thử mẫu và hiện T mới có 45.000.000đ, còn thiếu 155.000.000đ nữa. Lúc này, ông L điện thoại trao đổi với V về việc T yêu cầu đưa thêm tiền cho T và V có nói ông L cứ đưa tiền cho T để T có tiền đưa “hàng” ra. Do không tin tưởng T nên ông L yêu cầu khi giao nhận tiền thì V phải viết giấy mượn tiền của ông L và V phải cầm tiền đi theo T vào nhà chủ “hàng”, khi nào thấy “hàng” lư đồng, kiểm tra hàng đúng như hợp đồng thì mới giao tiền cho T. Nếu không có hàng hoặc chủ hàng không cho mang hàng ra thì phải trả lại tiền cho ông L. V đồng ý với yêu cầu của ông L và điện thoại cho T nói với T là ông L đã đồng ý giao tiền. Đến ngày 11/9/2011, ông L và V gặp T tại một quán cà phê ở gần Ngã ba Thích Quảng Đức, thị trấn Đình Văn, Lâm Hà thì ông L đưa ra một Biên bản thỏa thuận mua, bán hàng đôi màu hủy mẫu với các nội dung như đã thống nhất với V và cả ba người cùng ký vào biên bản. Sau đó, ông L giao cho V 155 triệu đồng và dặn V chỉ khi nào thử đúng hàng mới giao tiền cho T, nếu không trả lại tiền cho ông L. V đồng ý và cất tiền vào túi rồi lên xe T chở đi về hướng vào xã Phú Sơn, Lâm Hà đến ngã ba Phú Sơn thì T để V xuống đón xe đồ về huyện Di Linh. Toàn bộ số tiền 155.000.000đ lấy được của ông L thì V tiêu sài cá nhân hết. Đến sáng ngày 12/09/2011, không thấy V và T đưa hàng lư đồng đôi màu hủy mẫu ra nên ông L đã điện thoại cho V hỏi thì V nói dối là: V đang ở trong buôn dân tộc, đã thấy hàng và kiểm tra đúng rồi, T đã bọc chì chỉ đợi mang hàng ra. Ông L tiếp tục đợi V và T ở thị trấn Đình Văn, Lâm Hà trong một tuần nhưng vẫn không thấy V và T mang hàng ra. Ông L liên tục điện thoại cho cả V và T hỏi về hàng lư đồng như thế nào thì V và T đưa ra nhiều lý do do gặp trục trặc phía chủ hàng nên chưa đưa hàng ra được.

Sau đó, T điện thoại nói ông L đưa thêm số tiền 50.000.000đ để chi phí cho gia đình chủ hàng thì chủ hàng mới cho mang hàng đi; ông L đồng ý và yêu cầu V tiếp tục nhận nợ số tiền này. Đến ngày 29/9/2011, ông L chở V đến quán phở ở xã Phú Sơn-Lâm Hà gặp Tính và như đã thỏa thuận với V ông L giao số tiền 50.000.000đ cho V và yêu cầu V viết giấy nhận tiền vào mặt sau của giấy biên nhận mà V đã viết khi nhận số tiền 155.000.000đ của ông L. V đưa cho T số tiền này và T viết giấy biên nhận nợ V số tiền 50.000.000đ. Khi lấy được tiền thì T đã hẹn ông L 03 ngày sau sẽ mang hàng lư đồng ra cho ông L xem, kiểm tra. Sau thời hạn trên vẫn không thấy T mang hàng ra nên ông L đã điện thoại cho T nhiều lần để hỏi nhưng T lấy hết lý do này đến lý do khác để trì hoãn việc đưa hàng lư đồng đôi màu hủy mẫu ra cho ông L.

Đến ngày 24/10/2011, T tiếp tục điện thoại cho ông L nói không có tiền lo cho chủ hàng và yêu cầu ông L chuyển tiếp tiền cho T và ngày 26/10/2011, ông L đã chuyển số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho T qua Ngân hàng Agribank chi nhánh Lâm Hà. Nhưng sau đó vẫn không thấy T và V đưa hàng ra nên ông L đã nghi ngờ bị V và T lừa nên đã nhiều lần yêu cầu V và T trả lại tiền nên không ông L sẽ làm đơn tố cáo đến cơ quan công an. Sau đó T đã trả lại cho L số tiền 30.000.000đ, số tiền còn lại thì T hứa 01 tháng sau sẽ trả

lại cho ông L . Do bị đòi tiền liên tục nên T đã thay đổi số điện thoại và cắt đứt liên lạc với L .

Tổng số tiền T và V chiếm đoạt của ông L là 275 triệu đồng cả hai đã tiêu sài cá nhân hết (trong đó V chiếm đoạt 155 triệu đồng và T là 120 triệu đồng).

Đối với Nguyễn Thị Thu V ngoài lần cùng T chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn L thì thông qua việc mua bán đá Thiên Thạch, V còn chiếm đoạt tiền của ông Phùng Bá T là người có quan hệ thông gia với V , cụ thể như sau: Khoảng đầu năm 2015, V biết ông T có nhu cầu mua đá thiên thạch, đồng đổi màu thì V đưa ra thông tin có quen biết một người ở Lâm Đồng có bán lư bằng đồng đổi màu có màu xám lông chuột cân nặng từ 3,6kg đến 3,8kg và chủ hàng bán với giá khoảng 10 tỷ đồng. Đến tháng 05/2015, V điện thoại cho ông T nói cần 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để đưa cho chủ hàng để mang hàng lư đồng đổi màu ra và ngày 14/05/2015, ông T đã chuyển cho V số tiền 100.000.000đ qua tài khoản ngân hàng của con rể V là Trần Đông T . Sau khi sử dụng hết số tiền này, cuối tháng 5/2015, V lại tiếp tục điện thoại nói ông T là chủ hàng yêu cầu đưa thêm 100 triệu và chi phí đi lại là 20 triệu và ngày 01/6/2015, Ông T đã chuyển vào tài khoản của V tại ngân hàng Agribank số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). V đã rút hết số tiền trên và sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau hai lần chuyển tiền, ông T đã liên tục điện thoại cho V hỏi về lư đồng đổi màu, thì V đã nói dối ông T gặp trục trặc ở bên chủ hàng nên chưa đưa hàng ra được. Ngày 29/6/2015, ông T hẹn gặp V tại thành phố Đà Lạt để làm biên bản thỏa thuận và cam kết mua bán bát nhang bằng đồng đổi màu, với nội dung là thỏa thuận mua bán bát nhang bằng đồng đổi màu cân nặng 3,6kg đến 3,8kg; giá mua bán là 10 triệu USD/1kg, trong đó số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) ông T đã chuyển trước cho V coi như là tiền đặt cọc. V hẹn trong thời gian từ ngày 06/7/2015 đến ngày 11/7/2015 sẽ đưa lư bằng đồng đổi màu ra và cho ông T kiểm tra và giao nhận hàng. Đến hết thời gian hẹn trên, ông T điện thoại cho V thì V nói chủ hàng lư đồng đổi màu chưa thu xếp để lấy lư đồng ra được.

Đến khoảng tháng 12/2015, ông T đã giới thiệu cho người bạn là Nguyễn Quốc C về việc đang theo một con “hàng” lư đồng đổi màu. Sau đó, Ông Trục cùng với Cường gặp Nguyễn Thị Thu Vân và Trần Đông Triều tại một quán cà phê ở Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, V đã giới thiệu là có quen biết một người tên B có lư đồng đổi màu muốn bán với giá 10 triệu USD/1kg, lư đồng đổi màu có kích thước bằng bàn tay, nặng khoảng 3,6kg đến 3,8kg. Do biết V và ông T có quan hệ thông gia với nhau và V khẳng định có lư đồng đổi màu nên C đồng ý tham cùng mua lư đồng đổi màu của V . Sau đó, V yêu cầu ông T chuyển tiền để V đưa cho ông B chủ “hàng” để giải quyết việc gia đình thì mới lấy “hàng” lư đồng đổi màu ra được. Ông T tin là thật nên ông T nói Nguyễn Quốc C chuyển tiền cho V . Đến ngày 11/12/2015, thì Huỳnh Kiệt M là vợ C đã chuyển vào tài khoản của V số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận được tiền V đã sử dụng tiêu sài

cá nhân. Sau lần gửi tiền này ông T đã nhiều lần gọi điện hỏi thúc, yêu cầu V phải cho ông T gặp chủ hàng để xác thực có lư đồng thật hay không. Do đó, V nhờ ông Trần N ở xã Ninh Hiệp, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đóng giả chủ hàng có lư đồng đổi màu. V đã sắp xếp cho ông T gặp mặt ông N 03 lần và V dặn ông N xác nhận ông N là chủ hàng và hiện đang gặp trực trực trong gia đình nên chưa thể mang hàng lư đồng đổi màu ra được và khi ông T có hỏi thì ông N xác nhận V đã đưa cho ông N số tiền ứng mua “hàng” 600.000.000đ. Ngoài ra, để ông T tin là chiếc lư đồng đổi màu là có thật, V đã gửi cho ông T tám hình chiếc lư đồng sơn màu đen. Trong thời gian này, V yêu cầu ông T chuyển tiền cho V để lo chi phí đi lại xem lấy hàng lư đồng ra và ông T nói C chuyển tiền cho V 02 lần vào ngày 15/01/2016 là 5.000.000đ và vào ngày 09/04/2016 là 10.000.000đ theo yêu cầu của V. Do ông T nhiều lần liên lạc với V nhưng V kéo dài thời gian giao lư đồng đổi màu cho ông T nên ông T đã liên lạc với ông N thì được biết ông N không có chiếc lư đồng nào. Do đó, ông T đã làm đơn tố cáo hành vi của V đến Cơ quan công an.

Hiện nay, Nguyễn Thị Thu V đã trả lại cho ông Phùng Bá T, Nguyễn Quốc C số tiền đã chiếm đoạt là 355 triệu đồng và trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền đã chiếm đoạt là 155 triệu đồng; gia đình bị can Cấn Văn T đã trả lại số tiền đã chiếm đoạt của ông L là 120.000.000 đồng. Đối với số tiền T chiếm đoạt của ông Điều K’, đến nay ông Điều K yêu cầu T phải hoàn trả số tiền 300.000.000đ mà T đã chiếm đoạt.

Tại các kết luận giám định số 734/GĐ-PC54 ngày 21/4/2017 và số 733/GĐ-PC54 ngày 21/04/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lâm Đồng đã xác định chữ viết, chữ ký trong các tài liệu gửi giám định đúng là chữ viết và chữ ký của Cấn Văn T và Nguyễn Thị Thu V.

Hiện Cơ quan điều tra đã thu giữ của Cấn Văn T : 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen; 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu CASIO bằng kim loại màu trắng, đã cũ; 01(một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu trắng, mặt đính đá màu đỏ; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Cấn Văn T ; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Cấn Thị T ; 01 (một) CMND mang tên Cấn Văn T ; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Cấn Văn T ; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MHB mang tên Cấn Văn T ; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Cấn Văn T ; 02 (hai) tấm hình chiếc lư; 01 (một) tấm hình chiếc ấm (các tấm hình có chữ ký xác nhận của Cấn Văn T); 02 (hai) túi giấy kích bên trong đựng các mảnh kính vỡ; 01 (một) vật thể rắn màu đen, có chiều dài 4cm, chiều ngang 02cm; 01 (một) lọ nhỏ bên trong có đựng một viên nhỏ màu trắng; 02 (hai) nhiệt kế dài 15cm, có nắp màu vàng và số tiền 6.025.000đ trong tài khoản tạm gửi của Cục thi hành án tỉnh Lâm Đồng tại kho bạc.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị Thu V gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu PHILIPS-E105, màu xanh, bên trong có gắn 02 sim số; 02 (hai) lư làm bằng kim loại màu đen; 01 (một) lư được làm bằng kim loại màu vàng; 01 (một) lư được làm bằng kim loại màu vàng, có nắp đậy, đường kính khoảng 10cm; 01 (một)

bịch nylon có đựng 03 mảnh đá, màu xám; 01 (một) tờ giấy báo có dán chữ “Ngũ Phú Hiệp 01675005722”; 01 (một) giấy nộp tiền ngày 22/11/2016 tên Nguyễn Thị Thu V ; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Nguyễn Thị Thu V .

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu V , Cán Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Cán Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2017.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị Thu V 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/01/2017 đến ngày 08/5/2017 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2018, bị cáo Cán Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị Thu V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất (xin hưởng án treo).

Ngày 17/01/2018, ông Phùng Bá T là người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Thu V .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa: Đơn kháng cáo của bị cáo và các thủ tục tố tụng khác đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Cán Văn T đã rút kháng cáo tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần kháng cáo này. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu V kháng cáo xin được hưởng án treo; Người bị hại là ông Phùng Bá T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V . Tuy nhiên, hành vi lừa đảo của bị cáo đã rõ ràng; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 06 (sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Bị cáo V không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V và kháng cáo của người bị hại Phùng Bá T , giữ nguyên phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo.

Bị cáo Cần Văn T trình bày: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, bị cáo đồng ý với bản án sơ thẩm nên xin tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu V trình bày: Bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu V trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục toàn bộ thiệt hại; người bị hại là ông Phùng Bá T cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo có một con gái duy nhất đã đi lấy chồng xa, hai vợ chồng bị cáo đều đang bị bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bị cáo T trình bày: Bị cáo Cần Văn T đã có ý kiến xin rút toàn bộ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1 Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cần Văn T đã rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào Điều 348, Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T .

2.2 Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V : Bị cáo Nguyễn Thị Thu V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Thu V và bị cáo Cần Văn T đã đưa ra thông tin giả về việc quen biết người bán đá thiên thạch và lư đồng đổi màu, đồng thời đưa ra thông tin không đúng sự thật về các tác dụng của những vật không có thật này để ông Nguyễn Văn L , của ông Điều K và ông Phùng Bá T tin tưởng đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo V và bị cáo T . Với thủ đoạn gian dối nêu trên, bị cáo Nguyễn Thị Thu V cùng với Cần Văn T đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn L 275.000.000 đồng, trong đó V chiếm đoạt 155.000.000 đồng, T chiếm đoạt 120.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo V còn chiếm đoạt của ông Phùng Bá T 355.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo V phải chịu trách nhiệm là

630.000.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

2.3 Bị cáo Nguyễn Thị Thu V và người bị hại là ông Phùng Bá T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 06 năm tù là đã cân nhắc giảm nhẹ so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo V không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V và người bị hại ông Phùng Bá T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

3.1 Bị cáo T đã rút toàn bộ kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3.2 Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348, điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Cấn Văn T .

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V và người bị hại ông Phùng Bá T .

3. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đối với phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V và người bị hại ông Phùng Bá T .

3.1 Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3.2 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

3.3 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T Vân 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian tạm giam bị cáo

Nguyễn Thị Thu V từ ngày 09/01/2017 đến ngày 08/5/2017 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu V phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Tiếp tục giam giữ bị cáo Cần Văn T để đảm bảo thi hành án.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM(1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Công an tỉnh Lâm Đồng (1);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Trại tạm giam tỉnh Lâm Đồng (1);
- Bị cáo (2), bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 14b. (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh